

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ, PHẠM VI, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU THỐNG KÊ

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

I. PHẠM VI

Phạm vi từng ngành kinh tế xác định trên địa bàn căn cứ vào các đơn vị cơ sở thuộc ngành kinh tế đó phân theo hệ thống ngành kinh tế Việt Nam 2007 và theo nguyên tắc thường trú.

1. Đơn vị cơ sở

Đơn vị cơ sở được định nghĩa như sau:

- Là một doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức không vì lợi (như tổ chức từ thiện, tôn giáo, hiệp hội ...), hoặc một phần của những đơn vị này;

- Đón tại một địa điểm xác định, trên đó chỉ một hoạt động sản xuất được thực hiện hoặc trên đó có cả hoạt động chính và hoạt động phụ;

- Có chủ thể quản lý hoặc người chịu trách nhiệm thực hiện công việc tại đó.

2. Đơn vị thường trú

Một đơn vị cơ sở được coi là đơn vị thường trú của một tỉnh, thành phố nếu nó đảm bảo 3 điều kiện sau:

- Đơn vị đang thực hiện các hoạt động kinh tế trong lãnh thổ hành chính của tỉnh từ một năm trở lên.

- Đơn vị phải có địa điểm hoạt động xác định trong tỉnh, tại đó nó tiến hành các hoạt động kinh tế. Vị trí này không nhất thiết luôn ở một nơi, miễn là nó nằm trong tỉnh.

- Đơn vị có chủ thể quản lý các hoạt động kinh tế (chủ thể này có thể là đơn vị tổ chức khác hoặc người chịu trách nhiệm điều hành các hoạt động kinh tế).

3. Một số khái niệm về số liệu thống kê

- **Số liệu thống kê ước tính:** là số liệu thống kê dự tính trước toàn bộ kết quả của các hiện tượng, hoặc quá trình kinh tế - xã hội còn đang tiếp diễn, được tổng hợp từ số liệu của hai kỳ; (i) số liệu của kỳ đã diễn ra cập nhật theo thực tế; và (ii) số liệu của kỳ sẽ diễn ra sử dụng phương pháp chuyên môn để dự tính.

- **Số liệu thống kê sơ bộ:** là số liệu thống kê phản ánh kết quả của các hiện tượng hoặc quá trình kinh tế - xã hội đã diễn ra trong khoảng thời gian, không gian nhất định; nhưng chưa được khẳng định; còn phải tiến hành thẩm định, hoàn chỉnh thêm.

- **Số liệu thống kê chính thức:** là số liệu thống kê phản ánh đầy đủ, chính xác kết quả của các hiện tượng hoặc quá trình kinh tế - xã hội đã diễn ra trong khoảng thời gian, không gian nhất định; việc xử lý, tổng hợp và thẩm định đã kết thúc, số liệu đã được khẳng định.

II. PHƯƠNG PHÁP TÍNH MỘT SỐ LOẠI CHỈ SỐ

1. Chỉ số phát triển liên hoàn (t_i)

Dùng để phản ánh sự phát triển của hiện tượng qua từng thời gian ngắn liền nhau, được tính bằng cách so sánh một mức độ nào đó trong dãy số ở kỳ nghiên cứu với mức độ liền trước đó.

$$\text{Công thức: } t_i = \frac{y_i}{y_{i-1}}$$

Trong đó: t_i là chỉ số phát triển liên hoàn; y_i là giá trị năm thứ i ; y_{i-1} là giá trị năm thứ $i-1$

2. Chỉ số phát triển bình quân (\bar{t})

Dùng để phản ánh nhịp độ phát triển điển hình của hiện tượng nghiên cứu trong một thời gian dài, được tính bằng số bình quân nhân của các tốc độ phát triển liên hoàn. Chỉ tiêu này chỉ có ý nghĩa đối với những hiện tượng phát triển tương đối đều đặn theo một chiều hướng nhất định.

$$\text{Công thức: } \bar{t} = \sqrt[n-1]{t_2 \times t_3 \times \dots \times t_n} = \sqrt[n-1]{\prod_{i=2}^n t_i} = \sqrt[n-1]{T_n} \text{ hoặc } \bar{t} = \sqrt[n-1]{\frac{y_n}{y_1}}$$

Tr.đó: \bar{t} là chỉ số phát triển bình quân

t_i ($i = 2, \dots, n$) là các chỉ số phát triển liên hoàn;

y_n là giá trị năm thứ n ; y_1 là giá trị năm gốc

Tốc độ tăng bình quân phản ánh nhịp độ tăng điển hình của hiện tượng nghiên cứu trong thời gian dài.

$$\text{Tốc độ tăng bình quân} = \bar{t} - 1 \text{ (hay } 100\%)$$

Ví dụ: Tính tốc độ tăng bình quân dân số trung bình từ 2006-2010

$$\begin{aligned} \text{Cách 1: } \bar{t} &= \sqrt[6-1]{1,0088 \times 1,0095 \times 1,0087 \times 1,0084 \times 1,0141} = \sqrt[5]{1,0505} \\ &= 1,0099 \text{ hay } 100,99\% \text{ tức tăng } 0,99\% \end{aligned}$$

Cách 2: Dân số trung bình năm 2005 (y_1) là 991.091 người và năm 2010 (y_6) là 1.041.159 người.

$$\bar{t} = \sqrt[6-1]{\frac{991.091}{1.041.159}} = \sqrt[5]{1,0505} = 1,0099 \text{ hay } 100,99\% \text{ tức tăng } 0,99\%$$

III. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ TRỊ SẢN XUẤT THEO CÁC LOẠI GIÁ

1. Giá Cơ bản

Giá trị sản xuất theo ngành kinh tế là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh toàn bộ giá trị của sản phẩm vật chất và dịch vụ sản xuất ra trong một thời kỳ nhất định. Giá trị sản xuất (GTSX) có thể tính theo giá cơ bản hoặc giá sản xuất. Hiện nay Tổng cục Thống kê đang áp dụng giá sản xuất trong tính toán chỉ tiêu này và phù hợp với chế độ hạch toán, kế toán và hệ thống thuế sản xuất trước đây. Tại kỳ họp thứ 11 của Quốc hội khoá IX đã thông qua Luật Thuế giá trị gia tăng và có hiệu lực từ ngày 1/1/1999 thay cho Luật Thuế doanh thu; chế độ hạch toán, kế toán cũng có những đổi mới, vì vậy việc áp dụng giá sản xuất để tính chỉ tiêu giá trị sản xuất theo ngành kinh tế bộc lộ một số bất cập.

Trên giác độ phân tích kinh tế, việc áp dụng giá sản xuất để tính chỉ tiêu GTSX sẽ phản ánh không đúng bản chất kinh tế của hoạt động sản xuất kinh doanh ở cơ sở. Giá sản xuất không phản ánh thực tế số tiền đơn vị sản xuất hàng hóa và dịch vụ thu được khi bán sản phẩm của mình và cũng không phản ánh đúng số tiền người mua thực sự phải trả để có được hàng hóa và dịch vụ người mua cần.

Ở nước ta chỉ tiêu GTSX nói chung và GTSX ngành công nghiệp nói riêng được xem là chỉ tiêu kinh tế quan trọng không thể thiếu trong công tác quản lý, điều hành nền kinh tế của cơ quan nhà nước các cấp. Lâu nay chỉ tiêu này chỉ tính theo giá sản xuất để sử dụng cho đánh giá tốc độ tăng trưởng, tính cơ cấu trong nội bộ ngành và tính một số chỉ tiêu chất lượng khác. Tính theo giá sản xuất dùng cho các mục đích trên có nhược điểm là bị ảnh hưởng của yếu tố thuế sản phẩm. Thuế sản phẩm đánh vào người mua hàng, người bán chỉ có nhiệm vụ thu hộ Nhà nước. Các loại thuế sản phẩm được sử dụng với vai trò điều tiết và hướng dẫn người tiêu dùng, nó hoàn toàn phụ thuộc vào chính sách của Nhà nước, không do người sản xuất quyết định và không phản ánh đúng thực chất chi phí của đơn vị sản xuất. Chỉ tiêu GTSX tính theo giá sản xuất không phản ánh đúng thực chất kết quả và hiệu quả của sản xuất cũng như tốc độ tăng trưởng và quan hệ cơ cấu trong nội bộ các ngành. Vì vậy việc tính chỉ tiêu GTSX theo giá cơ bản là yêu cầu khách quan của các cơ quan quản lý và lập chính sách kinh tế.

** Phương pháp tính giá trị sản xuất theo giá cơ bản*

Bất kỳ một chỉ tiêu thống kê tổng hợp nào khi tính toán đều phải tuân thủ một số nguyên tắc cơ bản. Đối với chỉ tiêu giá trị sản xuất tính theo giá cơ bản hay giá sản xuất phải đảm bảo bốn nguyên tắc sau: Tính toàn bộ giá trị lao động sống và lao động vật hoá đã được sử dụng hết cho sản xuất tạo ra sản phẩm cùng với giá trị thặng dư được

xác định trong một thời gian nhất định; Chỉ tiêu giá trị sản xuất được tính cho một thời kỳ nhất định; Sản phẩm sản xuất ra trong thời kỳ nào được tính cho thời kỳ đó; và Giá trị sản xuất không được tính trùng trong phạm vi đơn vị tính toán.

Hoạt động sản xuất của nền kinh tế tạo ra sản phẩm dưới dạng hàng hóa vật chất và dịch vụ. Hàng hóa vật chất có hai đặc trưng nổi bật ở chỗ: Người ta có thể xác lập và chuyển nhượng quyền sở hữu từ một thực thể này tới một thực thể khác trong nền kinh tế; Quá trình sản xuất và lưu thông hàng hóa diễn ra hoàn toàn riêng biệt - đây là đặc trưng kinh tế quan trọng, riêng có của hàng hóa vật chất. Khác với hàng hóa vật chất, dịch vụ là sản phẩm tạo ra bởi quá trình sản xuất nhưng không là một thực thể tồn tại riêng biệt trong nền kinh tế mà qua đó người ta có thể xác lập quyền sở hữu đối với nó. Quá trình trao đổi và sản xuất dịch vụ diễn ra đồng thời và do vậy không có tồn kho đối với dịch vụ.

Trong thống kê tài khoản quốc gia (TKQG) hàng hóa và dịch vụ thường chia thành ba nhóm: Hàng hóa và dịch vụ có tính thị trường; hàng hóa và dịch vụ tự sản xuất để tiêu dùng cuối cùng và tích lũy; hàng hóa và dịch vụ phi thị trường. Hàng hóa và dịch vụ có tính thị trường là những sản phẩm được bán, trao đổi, dự định bán hoặc trao đổi trên thị trường với giá có ý nghĩa kinh tế; hàng hóa và dịch vụ tự sản xuất để tiêu dùng cuối cùng và tích lũy là những sản phẩm do đơn vị sản xuất giữ lại để tiêu dùng cuối cùng và để tích lũy; và hàng hóa và dịch vụ phi thị trường là những hàng hóa và dịch vụ phục vụ cá nhân hoặc cộng đồng do các đơn vị không vì lợi ích phục vụ hộ gia đình và Nhà nước cung cấp không thu tiền, hoặc thu tiền với giá không có ý nghĩa kinh tế. Thống kê tài khoản quốc gia quy định dùng giá cơ bản khi tính giá trị sản xuất của hai nhóm đầu tiên và dùng tổng chi phí sản xuất phát sinh để tính cho nhóm thứ ba, khi tính giá trị sản xuất.

Nhìn chung phương pháp tính giá trị sản xuất theo giá cơ bản giống với phương pháp tính theo giá sản xuất, sự khác nhau ở chỗ xử lý thuế sản phẩm và trợ cấp sản phẩm. Tuy vậy, với đặc thù riêng có của ngành xây dựng đó là sản xuất đơn chiếc, chu kỳ sản xuất để tạo ra một sản phẩm thường rất dài có khi tới vài năm, địa điểm của sản xuất cũng là địa điểm sử dụng sản phẩm; tham gia vào quá trình sản xuất và sở hữu kết quả sản xuất do cả đơn vị chủ đầu tư và đơn vị hoạt động xây dựng quyết định. Những đặc điểm này đã chi phối đến cách tiếp cận và phương pháp tính GTSX của ngành xây dựng và chúng không giống với các ngành khác. Với ngành xây dựng, phương pháp tính GTSX theo giá cơ bản phù hợp nhất là căn cứ vào chi phí xây dựng và vốn đầu tư thực hiện. Phương pháp này hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc thực tế thi công, lắp đặt tại công trình của thống kê Liên hợp quốc..

2. Giá so sánh

Là giá hiện hành của sản phẩm hàng hoá và dịch vụ của một năm nào đó được chọn làm gốc so sánh. Giá so sánh dùng để loại trừ ảnh hưởng của yếu tố giá trong mỗi năm, nhằm nghiên cứu sự thay đổi đơn thuần về khối lượng sản phẩm hàng hóa và dịch vụ. Thực hiện Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê ban hành theo Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 2/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ, ngày 4/4/2012 Bộ trưởng Bộ KH và ĐT đã ban hành Thông tư số 02/2012/TT-BKHĐT quy định năm 2010 làm năm gốc thay cho năm gốc 1994 để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh.